

An Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty/Đơn vị/Doanh nghiệp/Cơ sở cung cấp con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, đá liếm, vắc-xin, băng cấm trong và ngoài tỉnh.

Trung tâm Khuyến nông được Sở Nông nghiệp và Môi trường An Giang giao nhiệm vụ hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến mọi nhà nông trong địa bàn tỉnh An Giang, năm 2026 đơn vị đồng hành cùng nông dân thực hiện các Chương trình/Dự án/Kế hoạch Khuyến nông làm cơ sở định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp cho tỉnh An Giang.

Để thực hiện thành công Chương trình Phát triển chăn nuôi gia súc năm 2026. Trung tâm Khuyến nông kính đề nghị Quý Công ty/Đơn vị/Doanh nghiệp/Cơ sở trong và ngoài tỉnh quan tâm cung cấp báo giá chi tiết con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, đá liếm, vắc-xin, băng cấm mà đơn vị đang sản xuất, kinh doanh để Trung tâm có căn cứ thực hiện mua sắm cho Chương trình/Dự án/Kế hoạch Khuyến nông năm 2026 (*phụ lục đính kèm*).

Địa chỉ gửi báo giá: Trung tâm Khuyến nông An Giang, 1224 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, phòng Chăn nuôi – Thủy sản (Bà Trần Thị Lệ Triệu – 0917 355 542).

Thời hạn gửi báo giá về Trung tâm Khuyến nông: đến hết ngày 22/7/2026.

Rất mong được sự quan tâm hỗ trợ của Quý Công ty/Đơn vị/Doanh nghiệp/Cơ sở cung cấp con giống, thức ăn, chế phẩm sinh học, đá liếm, vắc-xin, băng cấm trong và ngoài tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ TTKN;
- P. TTTT (đăng tải Web đơn vị);
- Lưu: VT, P.CNTS, NTUE;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Phước Thành



Phụ lục: Danh mục hàng hoá và yêu cầu kỹ thuật cơ bản
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 15/7/2026 của Trung tâm Khuyến nông)

TT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản (Theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã công bố...)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
01	Con giống dê đực Boer	- Dê Boer thuần - Dê có lý lịch rõ ràng, đạt tiêu chuẩn làm giống. - Có hồ sơ giống ghi rõ tên giống, cấp giống, xuất xứ, số lượng. - Giống được công nhận TBKT hoặc công bố tiêu chuẩn cơ sở theo quy định hiện hành - Trọng lượng: Từ 32 kg/con - Dê khỏe mạnh, nhanh nhẹn, không có dấu hiệu bệnh lý, được tiêm phòng đầy đủ (THT, LMLM...).	Con	13
02	Con giống dê cái Bore lai hoặc Bách Thảo	- Dê cái Boer lai hoặc Bách Thảo - Dê có lý lịch rõ ràng, đạt tiêu chuẩn làm giống. - Có hồ sơ giống ghi rõ tên giống, cấp giống, xuất xứ, số lượng. - Giống được công nhận TBKT hoặc công bố tiêu chuẩn cơ sở theo quy định hiện hành - Trọng lượng: Từ 22 kg/con - Dê khỏe mạnh, nhanh nhẹn, không có dấu hiệu bệnh lý, được tiêm phòng đầy đủ (THT, LMLM...).	Con	26
03	Con giống heo rừng lai	- Heo rừng lai - Heo có lý lịch rõ ràng, đạt tiêu chuẩn làm giống. - Có hồ sơ giống ghi rõ tên giống, xuất xứ, số lượng. - Trọng lượng: Từ 20 kg - Heo khỏe mạnh, nhanh nhẹn, không có dấu hiệu bệnh lý, được tiêm phòng đầy đủ (Dịch tả, THT, LMLM,...).	Con	30
04	Thức ăn hỗn hợp heo nái mang thai	- Độ ẩm $\leq 14\%$ - Protein thô $\geq 13\%$ - Năng lượng trao đổi tối thiểu ≥ 2.800 Kcal/kg - Lysin tổng số % khối lượng $\geq 0,5$ - Xơ thô $\leq 9\%$	Kg	4.311

TT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản (Theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã công bố...)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
		- Khối lượng tịnh: 25kg/bao - Thức ăn mới 100%, còn trên 2/3 thời gian sử dụng, bao bì còn nguyên vẹn, không bị nấm mốc; không có kháng sinh và chất cấm sử dụng trong chăn nuôi. Thức ăn đã được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.		
05	Thức ăn hỗn hợp cho heo nái nuôi con	- Độ ẩm $\leq 14\%$ - Protein thô $\geq 15\%$ - Năng lượng trao đổi tối thiểu ≥ 3.000 Kcal/kg - Lysin tổng số % khối lượng $\geq 0,8$ - Xơ thô $\leq 7\%$ - Khối lượng tịnh: 25kg/bao - Thức ăn mới 100%, còn trên 2/3 thời gian sử dụng, bao bì còn nguyên vẹn, không bị nấm mốc; không có kháng sinh và chất cấm sử dụng trong chăn nuôi. Thức ăn đã được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	Kg	2.400
06	Thức ăn hỗn hợp cho dê thịt	- Độ ẩm $\leq 14\%$ - Protein thô $\geq 19\%$ - Năng lượng trao đổi tối thiểu ≥ 2.900 Kcal/kg - Lysin tổng số $\geq 0,6\%$ - Khối lượng tịnh: 25kg/bao - Thức ăn mới 100%, còn trên 2/3 thời gian sử dụng, bao bì còn nguyên vẹn, không bị nấm mốc; không có kháng sinh và chất cấm sử dụng trong chăn nuôi. Thức ăn đã được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.	Kg	3.737,5
07	Vaccin Dịch tả lợn (heo)	- Thành phần: mỗi liều vaccin chứa ít nhất 10^3 TCID₅₀ virus Dịch tả lợn nhược độc chủng C nuôi cấy trên tế bào, chất bổ trợ đông khô. - Bảo quản: vaccin được bảo quản đúng quy định. Còn nguyên vẹn nhãn mác và còn trên 2/3 thời gian sử dụng in trên nhãn. - Thuộc danh mục thuốc thú y đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.	Lọ	15

MÔI

TRƯỜNG

AN GIÀ

TT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản (Theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã công bố...)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
08	Vaccin Tụ huyết trùng heo	- Thành phần: mỗi ml vaccin chứa ít nhất 10^9 tế bào vi khuẩn <i>Pasteurella suis</i> septica, chất bổ trợ keo phèn. - Bảo quản: vaccin được bảo quản đúng quy định. Còn nguyên vẹn nhãn mác và còn trên 2/3 thời gian sử dụng in trên nhãn. - Thuộc danh mục thuốc thú y đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.	Lọ	15
09	Vaccin Phó thương hàn heo	- Thành phần: mỗi ml vaccin chứa ít nhất 10^9 tế bào vi khuẩn <i>Salmonella choleraesuis</i>, chất bổ trợ keo phèn. - Bảo quản: vaccin được bảo quản đúng quy định. Còn nguyên vẹn nhãn mác và còn trên 2/3 thời gian sử dụng in trên nhãn. - Thuộc danh mục thuốc thú y đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.	Lọ	15
10	Vaccin Tụ huyết trùng dê	- Thành phần: mỗi ml vaccin chứa ít nhất 10^9 CFU vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i> và 10^9 CFU vi khuẩn <i>Pasteurella haemolytica</i>, chất bổ trợ keo phèn. - Bảo quản: vaccin được bảo quản đúng quy định. Còn nguyên vẹn nhãn mác và còn 2/3 thời gian sử dụng in trên nhãn. - Thuộc danh mục thuốc thú y đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.	Lọ	13
11	Chế phẩm sinh học phối trộn thức ăn heo	- Thành phần có chứa ít nhất: <i>Bacillus subtilis</i> (min): 10^9 CFU/kg; <i>Bacillus licheniformis</i> (min): 10^9 CFU/kg. - Thuộc danh mục thuốc thú y đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam. - Nước sản xuất: Việt Nam	Kg	6
12	Đá liếm	- Đảm bảo thành phần khoáng có chứa ít nhất các chất: Mg $\geq 0,5\%$; Na $\geq 38\%$; Cu ≥ 300 mg/kg; Zn ≥ 300 mg/kg; Fe ≥ 1500 mg/kg. Còn mới 100%, bảo hành theo quy định nhà sản xuất, đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.	Kg	65

==
A /
Ấ
C
VC
N
==

TT	Hạng mục	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản (Theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đã công bố...)	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
13	Bảng cấm	- Quy cách: 1.2 m x 0.9 m; nội dung in kỹ thuật số trên bạt Hiflex; khung bảng bằng sắt mã kẽm V20, độ dày $\geq 1,2$ mm và viền bao khung bằng nhôm.	Cái	28



TÊN CÔNG TY/ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày..... tháng... năm 2026

BẢO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Khuyến nông An Giang.

Sau khi nhận được Thư mời báo giá của quý đơn vị, chúng tôi, (ghi tên nhà cung cấp), có địa chỉ tại (Ghi địa chỉ nhà cung cấp), xin gửi bảng báo giá sản phẩm theo yêu cầu của quý đơn vị như sau:

TT	Danh mục hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật hàng hoá, dịch vụ (Thông số ghi trên nhãn hoặc theo tiêu chuẩn, quy cách đóng gói, quy chuẩn đã công bố;)	Tên hàng hoá – dịch vụ, nhà sản xuất, xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng						

(Tổng số tiền bằng chữ:)

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến địa điểm thực hiện mô hình tại các xã, phường và đặc khu thuộc tỉnh An Giang.

- Báo giá có giá trị từ ngàyđến có thông báo mới hoặc đến hết ngày/.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)